

Bản án số: 57/2024/DS-ST

Ngày: 28/8/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Thiện.
2. Bà Lê Thị Thận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:
Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 123/2024/TLST – DS ngày 25 tháng 6 năm 2024, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2024/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1980 và bà Tạ Thị P, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn 5, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn M, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn bà L1 có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông M vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/5/2024, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, bà Tạ Thị P1 và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do quan hệ quen biết nên ngày 09/08/2023 vợ chồng ông L bà P1 cho vợ chồng ông M bà L1 vay số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng); thời hạn vay là 02 tháng, việc vay tiền được lập thành văn bản. Sau khi hết hạn vay vợ chồng ông L bà P1 đã đòi nợ nhiều lần nhưng vợ chồng ông M bà L1 chỉ khất nợ chứ không trả. Đến nay ông M bà L1 chưa trả nợ cho ông L bà P1 khoản tiền nào. Vì vậy, vợ chồng ông L bà P1 khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông M bà L1 trả số tiền còn nợ là 250.000.000đ.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị L1 trình bày:*

Bà xác nhận vợ chồng bà là chỗ quen biết với ông L bà P1 nên ngày 09/8/2023 vợ chồng bà vay của vợ chồng ông L, bà P1 số tiền 250.000.000đ theo giấy mượn tiền ngày 09/8/2023, mục đích vay để kinh doanh nông sản; khi vay có làm giấy viết tay, thời hạn vay là 02 tháng kể từ ngày vay. Sau khi vay vợ chồng bà có đóng lãi đầy đủ cho ông L bà P1 đến tháng 4/2024 do làm ăn thua lỗ nên không có khả năng đóng lãi và trả tiền gốc cho ông L bà P1. Tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 19/7/2024 bà L1 trình bày: vợ chồng bà đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông L, bà P1 yêu cầu trả số tiền 250.000.000đ, nhưng do ông bà nợ nhiều người, tài sản của vợ chồng hiện còn 07 thửa đất nhưng không bán được để trả nợ ngân hàng và các khoản nợ cá nhân khác, kinh tế khó khăn nên xin được hẹn đến ngày 19/8/2024 dự kiến sẽ bán được đất trả hết số tiền cho ông L bà P1; Trường hợp nguyên đơn không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Bùi Văn M đã được triệu tập họp lệ nhưng không gửi văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phát biểu ý kiến: Về tố tụng, Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng.*

Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng); Buộc các bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Bùi Văn M vắng mặt lần thứ hai không có lý do, bị đơn bà Nguyễn Thị L1 có đơn xin giải quyết vắng mặt,

người đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo qui định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 09/08/2023 vợ chồng ông **L** bà **P1** cho vợ chồng ông **M** bà **L1** vay số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng); thời hạn vay là 02 tháng, việc vay tiền được lập thành văn bản. Sau khi vay vợ chồng ông **M** bà **L1** không trả được tiền cho ông **L** bà **P1** theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên vay, nên ông **L** bà **L1** khởi kiện yêu cầu ông **M** bà **L1** trả tiền là có căn cứ.

Tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 19/7/2024 bà **L1** đề nghị nguyên đơn cho hạn đến ngày 19/8/2024 nếu bán được đất sẽ trả hết số tiền cho ông **L** bà **P1**; Tuy nhiên, phía nguyên đơn không đồng ý mà yêu cầu trả ngay; mặt khác, bị đơn ông **M** là chồng bà **L1** không tham gia phiên hòa giải, nên không có cơ sở để ghi nhận thỏa thuận giữa hai bên; đến nay phía bị đơn cũng không trả tiền cho nguyên đơn.

Do ông **M** bà **L1** vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận, nên nguyên đơn ông **L** bà **P1** khởi kiện yêu cầu ông **M** bà **L1** trả số tiền 250.000.000đ đã vay là có cơ sở cần được chấp nhận.

Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi nên không giải quyết.

[2] Về án phí, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; các Điều 35, 147, 227, 228, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 117, 118, 166, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông **Nguyễn Văn L**, bà **Tạ Thị P1**; Buộc vợ chồng ông **Bùi Văn M**, bà **Nguyễn Thị L1** phải trả cho vợ chồng ông **Nguyễn Văn L**, bà **Tạ Thị P1** số tiền là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng).

2. Về án phí: Buộc vợ chồng ông **Bùi Văn M**, bà **Nguyễn Thị L1** phải nộp 12.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm; Vợ chồng ông **Nguyễn Văn L** bà **Tạ Thị P1** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000đ (sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0009272 ngày 24/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng; (Đã ký)
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huệ

